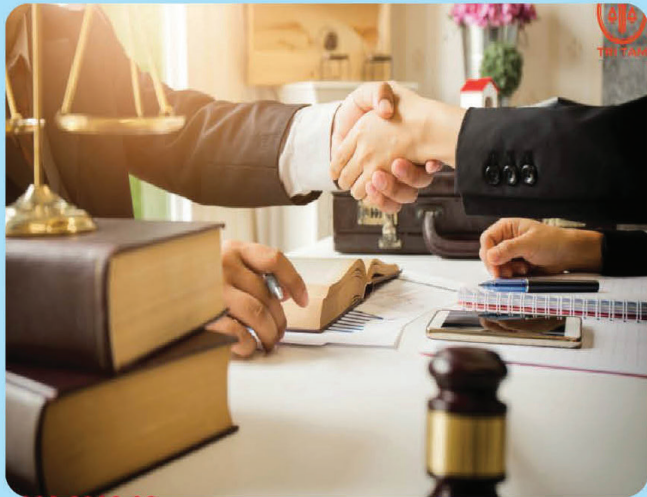




**THÔNG TIN HỖ TRỢ PHÁP LÝ
CHO DOANH NGHIỆP**



1. Quy định mới về mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

Ngày 05/02/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 10/2024/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. Theo đó, thông tư quy định mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản như sau:

* Mức thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản

Số TT	Tổng chi phí thẩm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế giá trị gia tăng)	Mức phí
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

* Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

- Đối với hoạt động thăm dò:
 - + Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép.
 - + Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép.
 - + Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.
- Đối với hoạt động khai thác:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ các loại đã quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
c	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này	30.000.000

3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

- Khai thác tận thu: Mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép.

- Trường hợp cấp gia hạn giấy phép, cấp lại giấy phép khi chuyển nhượng: Mức thu bằng 50% mức thu lệ phí tương ứng với các mức thu nêu trên./.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/3/2024 và thay thế Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 và Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quy định về ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư

Ngày 27/02/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực

2.1 Quy định về ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư

- Về đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi

+ Nhà đầu tư có giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với dự án thuộc nhóm có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được hưởng mức ưu đãi 5% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

+ Nhà đầu tư cam kết chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao hoặc thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được hưởng mức ưu đãi 2% khi đánh giá hồ sơ dự thầu.

- Cách tính ưu đãi: Điểm tổng hợp của đối tượng được hưởng ưu đãi được tính theo công thức sau:

$$T'TH = TTH + TTH \times MUĐ$$

Trong đó:

T'TH: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi đã bao gồm mức ưu đãi để so sánh, xếp hạng.

TTH: là điểm tổng hợp của nhà đầu tư được hưởng ưu đãi khi chưa bao gồm mức ưu đãi.

MUĐ: là mức ưu đãi nhà đầu tư được hưởng theo quy định tại Nghị định.

Nghị định yêu cầu khi dự thầu, nhà đầu tư phải nộp các tài liệu chứng minh giải pháp ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ và quyền sử dụng hợp pháp công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường, pháp luật khác có liên quan để được hưởng ưu đãi quy định.

Nghị định cũng quy định rõ Nhà đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi được lựa chọn ký kết hợp đồng phải thực hiện đúng cam kết trong hồ sơ dự thầu, hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh.

2.2 Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư

- Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ và dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ:

+ Công bố dự án đầu tư kinh doanh;
+ Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;
+ Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư;
+ Đánh giá hồ sơ dự thầu;
+ Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

+ Đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.
- Đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ:

+ Công bố dự án đầu tư kinh doanh;
+ Chuẩn bị đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư giai đoạn một;
+ Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư giai đoạn một;
+ Chuẩn bị, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư giai đoạn hai;

+ Đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn hai;
+ Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

+ Đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

- Đối với dự án phải xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật Đấu thầu và điểm h khoản 4 Điều 1 của Nghị định này:

+ Công bố dự án đầu tư kinh doanh;

+ Mời quan tâm;

+ Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm cùng đăng ký thực hiện dự án thì thực hiện theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này (đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ) hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ hoặc các điểm b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều này (đối với dự án áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi theo phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ).

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/02/2024.

Các nội dung trên được đăng tải tại website: tuphap.hatinh.gov.vn. Mọi đóng góp xin gửi về Sở Tư pháp theo địa chỉ: sotuphap@hatinh.gov.vn. Số điện thoại: 02393.881.676.

In 1000 tờ, khổ 10 x 21 cm tại Công ty CP In Hà Tĩnh - Số 153, đường Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh. Giấy phép xuất bản số /GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh cấp ngày /3/2024. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3/2024/.